

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 9 - AN GIANG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2026/KDTM-ST

Ngày 05 tháng 5 năm 2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Mỹ Hương - Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9, An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9, An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 44/2025/TLST-KDTM ngày 24 tháng 11 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2026/QĐXX-KDTM ngày 09/02/2026; quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2026/QĐST-KDTM ngày 09/3/2026; quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 04/2026/QĐST-KDTM ngày 09/4/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố H (H2).

Địa chỉ trụ sở chính: Số B Bis N, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Đ - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Văn T - Phó Giám đốc phụ trách chi nhánh A. Văn bản ủy quyền số 2288A/2025/QĐ-TGD ngày 13/5/2025 (Quyết định điều động và bổ nhiệm cán bộ số 264/2025/QĐ-HĐQT ngày 19/12/2025).

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Quang M; ông Phạm Minh P. Văn bản ủy quyền ngày 08/4/2025. Địa chỉ liên lạc: Số B L, tổ E, khóm G, phường L, tỉnh An Giang. Ông Nguyễn Quang M có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1983 và ông Lường Văn T1, sinh năm 1982. Cùng nơi cư trú: Khu phố T, phường S, tỉnh Thanh Hóa. Nơi ở hiện nay: Tổ C, khóm M, phường L, tỉnh An Giang. Ông T1 và bà H vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Nguyễn Quang M đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 03/11/2023 ông Lường Văn T1, bà Trần Thị H và Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố H (sau đây gọi là Ngân hàng) ký hợp đồng tín dụng số 31627/23MN/HĐTD. Theo đó, Ngân hàng cho bà H và ông T1 vay số tiền 1.450.000.000đ (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng); mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh mua bán lúa gạo; lãi suất trong hạn 11%/năm cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân, sau thời hạn này sẽ được điều chỉnh 3 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; phương thức thanh toán trả lãi hàng tháng, trả gốc vào cuối kỳ theo từng khế ước nhận nợ. Ngân hàng đã giải ngân cho bà H và ông T1 đủ số tiền của khoản vay nêu trên bằng hình thức bà H, ông T1 nhận tiền mặt.

Sau đó bà Trần Thị H đề nghị Ngân hàng mở, sử dụng tài khoản thanh toán theo giấy đề nghị kèm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán ngày 24/6/2024, theo đó, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho bà Trần Thị H với hạn mức 50.000.000 đồng. Lãi suất, phí chấp thuận theo điều khoản, điều kiện sử dụng thẻ tín dụng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, Ngân hàng và bà H, ông T1 ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 31326/21MN/HĐBĐ ngày 03/12/2021. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 06, diện tích 115,9m², mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị, tọa lạc phường B, thành phố L (nay là phường B), tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 520277, số vào sổ cấp GCN: CH03457 do Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang cấp ngày 04/12/2012 mang tên Phạm Ngọc N, Phạm Thị Lệ T2 (ngày 01/12/2021 Văn phòng Đ1, chi nhánh L cập nhật chỉnh lý biến động chuyển nhượng cho ông Lường Văn T1 và bà Trần Thị H theo hồ sơ số 10582/21). Hợp đồng thế chấp do Văn phòng C chứng nhận ngày 03/12/2021 và đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đ1 chi nhánh L ngày 03/12/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà H và ông T1 không thanh toán như ký kết. Do bà H và ông T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H và ông T1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ của 02 khoản vay tính đến ngày 05/5/2026 là 1.935.140.614đ (Một tỷ chín trăm ba mươi lăm triệu một trăm bốn mươi nghìn sáu trăm mười bốn đồng). Trong đó, nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 31627/23MN/HĐTD ngày 03/11/2023 là 1.440.841.116 đồng, nợ lãi trong hạn 29.747.684 đồng, lãi quá hạn, lãi chậm trả 394.337.724 đồng. Tổng nợ gốc và lãi là

1.864.926.524 đồng; nợ gốc của giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán ngày 24/6/2024 là 40.005.289 đồng, lãi trong hạn 23.813.007 đồng, lãi quá hạn, lãi chậm trả 6.395.794 đồng. Tổng nợ gốc và lãi là 70.214.090 đồng.

Đồng thời yêu cầu ông T1, bà H tiếp tục thanh toán số tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 31627/23MN/HĐTD ngày 03/11/2023 và giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán ngày 24/6/2024 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ vay.

Trường hợp ông T1, bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ. Sau khi xử lý hết tài sản bảo đảm mà vẫn không trả hết nợ ông T1, bà H có nghĩa vụ tiếp tục trả hết nợ cho Ngân hàng.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án bị đơn ông Lương Văn Thơm và bà Trần Thị Hiền mặc dù được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phiên tòa được mở lần thứ hai, ông Thơm và bà Hiền tiếp tục vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Thẩm phán chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thủ tục tổng đạt, niêm yết thực hiện đúng quy định tại Điều 171, 175, 177, 179 BLTTDS. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Ông Thơm và bà Hiền là bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử vụ án.

Ý kiến về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 288, 299, 317, 318, 319, 320, 323, 466, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 94, 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 24, 27, khoản 1 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 167, 188 Luật Đất đai năm 2013, Điều 22, 23 Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H. Buộc ông T1, bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng với tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 04/5/2026 với nợ gốc 1.440.841.116 đồng, nợ lãi trong hạn 29.747.684 đồng, lãi quá hạn 389.765.904 đồng và lãi chậm trả 4.569.630

đồng; đồng thời, buộc bà Trần Thị H, ông Lường Văn T1 phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh kể từ ngày 05/5/2026 cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 31627/23MN/HĐTD ngày 03/11/2023, giấy nhận nợ ngày 06/11/2023.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H về việc buộc bà Trần Thị H thanh toán số tiền nợ gốc thẻ là 40.005.289 đồng, lãi trong hạn 23.813.007 đồng, lãi quá hạn 5.625.949 đồng và lãi chậm trả là 769.845 đồng tạm tính đến ngày 04/5/2026 cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 24/6/2024.

Trường hợp ông T1, bà H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thực hiện nghĩa vụ không đầy đủ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mãi tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 029/2020/HĐBĐ/PVB-CN.AG ngày 11/02/2020.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố H về buộc ông T1 chịu trách nhiệm liên đới với bà H thanh toán vốn vay và lãi đối với đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 24/6/2024.

Buộc bà H, ông T1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 9, An Giang giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn bà Trần Thị H và ông Lường Văn T1. Nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên thuộc tranh chấp kinh doanh thương mại, Tòa án nhân dân khu vực 9, An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Phiên tòa mặc dù được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông T1, bà H vắng mặt không có lý do, nguyên đơn không yêu cầu hoãn phiên tòa. Xét thấy Tòa án đã thu thập, thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định nên sự vắng mặt của bị đơn không trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228

Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị H và ông Lương Văn T1 theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hợp đồng tín dụng: Ngày 03/11/2023 ông T1, bà H và Ngân hàng ký hợp đồng tín dụng số 31627/23MN/HĐTD. Theo đó, Ngân hàng cho bà H và ông T1 vay 1.450.000.000đ (Một tỷ bốn trăm năm mươi triệu đồng); mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh mua bán lúa gạo; lãi suất trong hạn 11%/năm cố định trong 03 tháng kể từ ngày giải ngân, sau thời hạn này sẽ được điều chỉnh 3 tháng/lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân cho bà H, ông T1 đủ số tiền của khoản vay nêu trên bằng hình thức bà H, ông T1 nhận tiền mặt.

Sau đó bà H đề nghị Ngân hàng mở, sử dụng tài khoản thanh toán theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngày 24/6/2024. Theo đó, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho bà H với hạn mức 50.000.000 đồng. Lãi suất, phí chấp thuận theo điều khoản, điều kiện sử dụng thẻ tín dụng.

[2.2]. Về hợp đồng thế chấp: Để đảm bảo thanh toán cho khoản vay trên, Ngân hàng và bà H, ông T1 ký hợp đồng thế chấp số: 31326/21MN/HĐBĐ ngày 03/12/2021. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 06, diện tích 115,9m², mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị, tọa lạc phường B, thành phố L (nay là phường B), tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 520277, số vào sổ cấp GCN: CH03457 do Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang cấp ngày 04/12/2012 mang tên Phạm Ngọc N, Phạm Thị Lệ T2 (ngày 01/12/2021 Văn phòng Đ1, chi nhánh L cập nhật chỉnh lý biến động chuyển nhượng cho ông Lương Văn T1 và bà Trần Thị H theo hồ sơ số 10582/21). Hợp đồng thế chấp do Văn phòng C chứng nhận ngày 03/12/2021 và đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đ1 chi nhánh L ngày 03/12/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà H và ông T1 không thanh toán như ký kết. Do bà H, ông T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà H, ông T1 có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ của 2 khoản vay tính đến ngày 05/5/2026 là 1.935.140.614đ (Một tỷ chín trăm ba mươi lăm triệu một trăm bốn mươi nghìn sáu trăm mười bốn đồng). Trong đó, nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 31627/23MN/HĐTD ngày 03/11/2023 là 1.440.841.116 đồng, nợ lãi trong hạn 29.747.684 đồng, lãi quá hạn, lãi chậm trả 394.337.724 đồng. Tổng nợ gốc và lãi là 1.864.926.524 đồng; nợ gốc của giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán ngày 24/6/2024 là 40.005.289 đồng, lãi trong hạn 23.813.007 đồng, lãi quá hạn, lãi chậm trả 6.395.794 đồng. Tổng nợ gốc và lãi 70.214.090 đồng. Đồng thời yêu

cầu bà H, ông T1 tiếp tục trả lãi quá hạn kể từ ngày 06/5/2026 đến khi bà H, ông T1 thanh toán xong hết khoản nợ theo quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp bà H, ông T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không hết nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ. Sau khi xử lý hết tài sản bảo đảm mà vẫn không trả hết nợ thì bà H, ông T1 tiếp tục trả hết nợ còn lại cho Ngân hàng.

[3]. Quá trình tố tụng, các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ cho ông T1 và bà H tại địa chỉ tổ C, khóm M, phường L, tỉnh An Giang, bà H trực tiếp nhận văn bản tố tụng còn ông T1 từ chối nhận các văn bản tố tụng là Tòa án đã thực hiện thủ tục tố tụng đúng quy định đối với bị đơn nhưng bà H, ông T1 vắng mặt không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Phiên tòa mở lại lần thứ hai, bà H và ông T1 tiếp tục vắng mặt không lý do.

[4]. Qua lời trình bày của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy, quá trình thụ lý giải quyết vụ án ông T1, bà H được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải; không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trong vụ án này. Do ông T1 và bà H vắng mặt, Tòa án thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho người vắng mặt biết nhưng ông T1 và bà H vẫn không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của chính đương sự quy định tại khoản 5 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ là hợp đồng tín dụng số 31627/23MN/HĐTD ngày 03/11/2023; giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 31627/23MN/HĐTD/KUNN 01 ngày 06/11/2023; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm - dịch vụ ngày 24/6/2024 có sự xác nhận của khách hàng là bà Trần Thị H; hợp đồng thế chấp số: 31326/21MN/HĐBĐ ngày 03/12/2021; phiếu yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất ngày 03/12/2021; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 520277, sổ vào sổ cấp GCN: CH03457; biên bản làm việc ngày 21/10/2024 tại phường B, thành phố L giữa Ngân hàng với ông Lương Văn T1 có nội dung thông báo việc Ngân hàng khởi kiện nếu khách hàng không thanh toán cho Ngân hàng; các thông báo ngày 21/10/2024 và ngày 02/12/2024 về nhắc chậm thanh toán có sự xác nhận của ông Lương Văn T1 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với khoản nợ do ông T1 và bà H xác

lập theo hợp đồng tín dụng số 31627/23MN/HĐTD ngày 03/11/2023 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 31627/23MN/HĐTD/KUNN01, ngày 06/11/2023 số tiền gốc còn nợ tính đến ngày 05/5/2026 là 1.440.841.116 đồng, nợ lãi trong hạn 29.747.684 đồng, lãi quá hạn, lãi chậm trả 394.337.724 đồng. Tổng nợ gốc và lãi là 1.864.926.524 đồng và khoản nợ thẻ tín dụng theo đề nghị của bà H với số tiền còn nợ 40.005.289 đồng, lãi trong hạn 23.813.007 đồng, lãi quá hạn, lãi chậm trả 6.395.794 đồng. Tổng nợ gốc và lãi 70.214.090 đồng. Ông T1, bà H tiếp tục chịu lãi phát sinh đến khi thanh toán hết các khoản nợ mà ông, bà có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng.

[5]. Đối với yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu ông T1 liên đới cùng bà H thanh toán nợ thẻ tín dụng với tổng nợ gốc và lãi là 70.214.090 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy theo các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp là giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán ngày 24/6/2024 thì ông T1 không ký kết đề nghị hợp đồng cấp thẻ hoặc Ngân hàng chứng minh được ông T1 có liên quan đến việc nhận, sử dụng vốn đối với khoản nợ thẻ do bà H đề nghị. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu Ngân hàng buộc ông T1 liên đới trả nợ thẻ 70.214.090 đồng.

Xét yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của ông T1 và bà H để thi hành án nếu ông T1, bà H không thanh toán nợ. Xét thấy, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên có công chứng, đăng ký thế chấp đúng quy định về đăng ký thế chấp, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất để thu hồi nợ.

[6]. Về chi phí tố tụng:

Ngân hàng đã tạm nộp 2.000.000 đồng chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp, số tiền thực chi 1.200.000 đồng, đã hoàn lại Ngân hàng 800.000 đồng.

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông T1 và bà H có nghĩa vụ hoàn lại Ngân hàng 1.200.000 đồng.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T1 và bà H liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên Ngân hàng được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 317, 318, 319, 320, 322, 323, 463, 466; Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều

6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố H đối với bà Trần Thị H và ông Lương Văn T1.

Buộc bà Trần Thị H và ông Lương Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố H nợ gốc 1.440.841.116 đồng, nợ lãi tính đến ngày 05/5/2026 gồm lãi trong hạn 29.747.684 đồng, lãi quá hạn, lãi chậm trả 394.337.724 đồng. Tổng nợ gốc và lãi là 1.864.926.524đ (Một tỷ tám trăm sáu mươi bốn triệu chín trăm hai mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi bốn đồng) của hợp đồng tín dụng số 31627/23MN/HĐTD ngày 03/11/2023 và giấy đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 31627/23MN/HĐTD/KUNN 01 ngày 06/11/2023.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố H về việc buộc ông Lương Văn T1 liên đới nghĩa vụ với bà Trần Thị H trả nợ gốc 40.005.289 đồng, nợ lãi tính đến ngày 05/5/2026 gồm lãi trong hạn 23.813.007 đồng, lãi quá hạn, lãi chậm trả 6.395.794 đồng. Tổng nợ gốc và lãi 70.214.090đ (Bảy mươi triệu hai trăm mười bốn nghìn không trăm chín mươi đồng) của giấy đề nghị kèm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm - dịch vụ ngày 24/6/2024.

Buộc bà Trần Thị H có nghĩa vụ trả nợ gốc 40.005.289 đồng, nợ lãi tính đến ngày 05/5/2026 gồm lãi trong hạn 23.813.007 đồng, lãi quá hạn, lãi chậm trả 6.395.794 đồng. Tổng nợ gốc và lãi 70.214.090đ (Bảy mươi triệu hai trăm mười bốn nghìn không trăm chín mươi đồng) của giấy đề nghị kèm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm - dịch vụ ngày 24/6/2024.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (05/5/2026) bà Trần Thị H và ông Lương Văn T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng; hợp đồng mở, sử dụng thẻ tín dụng, tài khoản thanh toán, thẻ ghi nợ và đăng ký dịch vụ các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Trần Thị H và ông Lương Văn T1 vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bà Trần Thị H và ông Lương Văn T1 không thanh toán nợ hoặc thanh toán nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố H có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 76, tờ bản đồ số 06, diện tích 115,9m², mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị, tọa lạc phường B, thành phố L (nay là phường B), tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 520277, số vào sổ cấp GCN: CH03457 do Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang cấp ngày 04/12/2012 mang tên Phạm Ngọc N, Phạm Thị Lệ T2 (ngày 01/12/2021 Văn phòng Đ1, chi nhánh L cập nhật chỉnh lý biến động chuyển nhượng cho ông Lương Văn T1 và bà Trần Thị H theo hồ sơ số 10582/21). Hợp đồng thế chấp do Văn phòng C chứng nhận ngày 03/12/2021 và đăng ký thế chấp tại Văn phòng Đ1 chi nhánh L ngày 03/12/2021 để thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản bảo đảm vẫn không đủ để Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố H thu hồi nợ thì bà Trần Thị H và ông Lương Văn T1 vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bà Trần Thị H và ông Lương Văn T1 liên đới chịu 67.947.796đ (Sáu mươi bảy triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi sáu đồng) án phí.

Bà Trần Thị H có nghĩa vụ chịu 3.510.705đ (Ba triệu năm trăm mười nghìn bảy trăm lẻ năm đồng) án phí.

Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố H được nhận lại 33.039.000đ (Ba mươi ba triệu không trăm ba mươi chín nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009598, ngày 21/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố H có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn bà Trần Thị H và ông Lương Văn T1 vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 9, An Giang;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị H1

